

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 10 năm 2018.

Số: 71/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2018/TLST-HN&GD ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Bạc Thị L**; sinh năm 1993;

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ **Bị đơn:** Anh **Lò Văn H**; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ **Người có nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lò Văn T**; sinh năm 1956;

2. Bà **Lò Thị O**; sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Nguyên đơn Bạc Thị L rút một phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Ngọc Y sinh ngày 16/8/2010 cho chị Bạc Thị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Lò Long Q 17/9/2012 cho anh H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q đến tuổi trưởng thành. Mỗi người nuôi một con không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H đã tự thỏa thuận, nên chị L đã rút yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bạc Thị L và anh Lò Văn H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã rút.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã C;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Việt Hương